STT: 4

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ ĐẠI ĐỒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1028/QĐ-CTUBND | *Đại Đồng, ngày 01 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tài sản, cây trồng trên đất do UBND xã Đại Đồng quản lý cho ông: Nguyễn Văn Nho để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi*

*khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 235/UBND-TH ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc xác định giá đất theo Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;*

*Căn cứ Công văn số 669/UBND-KT2 ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ;*

*Căn cứ thông báo số 427/TB-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận cho UBND xã Lương Tài, huyện Văn Lâm làm chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở;*

*Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/11/2024 của UBND huyện Văn Lâm về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại các thôn Lương Tài, Đông Trại, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;*

*Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND xã Đại Đồng: số 113/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng; số 177/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 về việc phê duyệt dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ các Thông báo thu hồi đất số 162/TB-UBND ngày 31/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất do UBND xã Đại Đồng quản lý để thực hiện để dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Căn cứ Thông báo số 123/TB-UBND ngày 13/7/2026 về việc hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư và đấu giá cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 287/TTr-KT ngày 25/09/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của các ông: Nguyễn Văn Nho để thực hiện dự án đầu tư xây

dựng khu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Lương Tài, xã Đại Đồng, bao gồm:

1. Hỗ trợ tài sản, cây trồng trên đất do UBND xã quản lý, số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **6.119.413đồng** *(Bằng chữ: Sáu triệu, một trăm mười chín nghìn, bốn trăm mười ba đồng).*

*(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)*

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 30 ngày kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt.

- Địa điểm chi trả tiền tại Nhà văn hoá thôn hoặc trụ sở UBND xã Đại Đồng.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và nhà văn hóa thôn; giao quyết định này cho ông: Nguyễn Văn Nho.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho người có cây cối, hoa màu, tài sản trên đất do UBND xã Đại Đồng quản lý theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ông (bà) có tên tại Điều 1 nhận tiền hỗ trợ phải thu dọn, di chuyển cây cối, hoa màu, tài sản trên đất để Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng quản lý theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của xã Đại Đồng.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

**Tôn Ngọc Chuẩn**

**Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, tài sản trên đất: 6.119.413 đồng**

| STT | Cây cối tài sản trên đất | Quy cách đặc điểm | Số lượng | Số lượng cây, tài sản trong mật độ | Số lượng cây, tài sản ngoài mật độ | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số tiền trong mật độ (đồng) | Số tiền ngoài mật độ (đồng) | Tỷ lệ BTHT | Thành tiền (đ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** |
| Thửa đất số 259, tờ bản đồ số 78, diện tích trồng cây trên đất do UBND xã quản lý 118,4m$^2$ | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nhà cấp 4, tường 220, xây gạch chỉ, KT: 2.7x3.5m | Nhà phụ, tường cao ≤ 3m (nhà kho, nhà chăn nuôi, NVS,…) , Nhà xây gạch chỉ tường 220, kết cấu tre, lợp mái Fibro xi măng | 9,45 | | | m2 | 2.441.495 | | | 10% | 2.307.213 | |
| 2 | Cửa gỗ | KT: 0.9x2.2m | 1,98 | | | m2 | 1.400.000 | | | 10% | 277.200 | |
| 3 | Cây nhãn | ĐK gốc từ 30cm trở lên | 1 | 1 | 0 | Cây | 4.500.000 | 2.250.000 | 0 | 50% | 2.250.000 | |
| 4 | Cây sung | 20cm< ĐK ≤ 30cm | 5 | 0 | 5 | Cây | 550.000 | 0 | 687.500 | 50% | 687.500 | |
| 5 | Cây sấu | 25cm< ĐK ≤ 40cm | 2 | 0 | 2 | Cây | 520.000 | 0 | 260.000 | 50% | 260.000 | |
| 6 | Cây chuối | Khóm chuối có cây có buồng quả | 3 | 0 | 3 | Khóm | 200.000 | 0 | 150.000 | 50% | 150.000 | |
| 7 | Cây chuối | Khóm chuối không có buồng | 6 | 0 | 5 | Khóm | 150.000 | 0 | 187.500 | 50% | 187.500 | |
| **Tổng tiền:** | | | | | | | | | | | **6.119.413** | |

l

STT: 4